

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-12-2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm Phường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Thắng
2. Bà Lương Thị Bảo Thùy

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Việt Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thạch Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 274/2025/TLST-HNGĐ ngày 16-10-2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-12-2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1988; căn cước số 075088022046, cấp ngày 31-8-2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ thường trú: 74/Đ, ấp P, xã G, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú hiện nay: số 736 E 23rd A, V, BC V5V1Y1, Canada (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị Hồng Đ, sinh năm 1991; căn cước số 075191012351, cấp ngày 31-8-2021, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Địa chỉ thường trú: 74/Đ, ấp P, xã G, tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú hiện nay: số 1065 E 62nd A, V, BC V5X1H1, Canada (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn anh Trần Minh C1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C1 và chị Đ tự nguyện chung sống với nhau, thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/9/2015.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và lối sống, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, không dung hòa được cuộc sống. Mâu thuẫn đến mức trầm trọng

nên anh C1 và chị Đ đã sống “ly thân” từ năm 2024 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không thể hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên anh C1 yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị Hồng Đ.

Về con: theo anh C1, vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/3/2019. Khi ly hôn anh C1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh C1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: theo anh C1, vợ chồng không có nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 29-10-2025, các lời khai trong quá trình xét xử, bị đơn chị Trần Thị Hồng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh C1 tự nguyện chung sống với nhau, thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/9/2015.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhau. Do mâu thuẫn kéo dài nên từ tháng 7 năm 2024 đến nay chị Đ và anh C1 đã không còn chung sống với nhau, nay nhận thấy hôn nhân không thể hàn gắn nên chị Đ đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

Về con: theo chị Đ, vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/3/2019. Khi ly hôn chị Đ đồng ý giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: theo chị Đ, vợ chồng không có nợ chung.

Để giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú đối với nguyên đơn, bị đơn, kết quả xác minh như sau: Tại Biên bản xác minh ngày 19/11/2025, đại diện Công an xã G cung cấp thông tin về nơi cư trú của anh C, chị Đ như sau: anh Nguyễn Minh C và chị Trần Thị Hồng Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: G, ấp P, xã G, tỉnh Đồng Nai nhưng hiện anh C và chị Đ đã xuất cảnh, công an xã G không biết địa chỉ cụ thể anh C và chị Đ đang sinh sống.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: (1) Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: anh Nguyễn Minh C được ly hôn với chị Trần Thị Hồng Đ. Về con: giao con Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/3/2019 cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu. Về tài sản và nợ: không xem xét giải quyết. (2) Về án phí: đề nghị buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Anh Nguyễn Minh C khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với chị Trần Thị Hồng Đ. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Anh C hiện sinh sống tại số G E 23rd A, V, BC V5V1Y1, Canada, chị Đ hiện sinh sống tại số 1065 E 62nd A, V, BC V, Canada. Tuy nhiên, do anh C và chị Đ hiện không có nơi thường trú chung tại Canada, căn cứ Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên vụ án được giải quyết theo pháp luật Việt Nam.

Anh Nguyễn Minh C và chị Trần Thị Hồng Đ hiện đang sinh sống tại nước ngoài (Canada) nhưng có chung địa chỉ thường trú: 74/Đ, ấp P, xã G, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1, 3, 4 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tổ tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại tại tòa án số 85 ngày 25/6/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15 ngày 24/6/2025.

[2] Về áp dụng pháp luật:

Anh C, chị Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2015, nên áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để xem xét, giải quyết về nội dung vụ án.

[3] Về sự có mặt của đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân:

4.1. Hôn nhân giữa anh C và chị Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/9/2015. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

4.2. Lời khai thừa nhận của các đương sự về quá trình chung sống, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với nhau, anh C yêu cầu ly hôn chị Đ cũng đồng ý, như vậy có đủ cơ sở để xác định: quá trình sống chung, vợ chồng anh C, chị Đ đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, làm cho đời sống hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, thì yêu cầu ly hôn của anh C đối với chị Đ là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con:

5.1. Anh C và chị Đ có 01 người con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/3/2019, hiện con đang do anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh C có yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, chị Đ đồng ý giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ không cấp dưỡng nuôi con chung.

5.2. Xét yêu cầu nuôi con của anh C thì thấy, hiện con đang do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, anh C có các điều kiện cơ bản để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa chị Đ cũng đồng ý giao con cho anh C nuôi dưỡng. Để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho con trẻ, cần tiếp tục giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại Điều 79, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng, nên không xem xét.

[6] Về tài sản, nợ chung:

Anh C, chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét; về nợ chung: anh C, chị Đ trình bày không có, nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: anh C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó anh C phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1, 3, 4 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải đối thoại tại tòa án số 85 ngày 25/6/2025.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân số 81/2025/QH15 ngày 24/6/2025.

- Các điều 19, 51, 56, 70, 81, 82, 83, 84, 123, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh C, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với chị Trần Thị Hồng Đ.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* anh Nguyễn Minh C được ly hôn với chị Trần Thị Hồng Đ.

2. *Về con:* giao cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 19/3/2019 cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời chị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do anh C không yêu cầu.

Chị Đ có quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: anh Nguyễn Minh C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh C đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0003661 ngày 15-10-2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Anh C đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 4 - Đồng Nai.
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 4 - Đồng Nai;
- UBND xã Gia Tân 3, huyện Thông Nhất (nay là xã Gia Kiệm), tỉnh Đồng Nai, GCN số 141 quyền 01/2015, (Để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Phượng